

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm nhờ lực cầu bắt đáy sau khi thị trường giảm mạnh

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30

## [Thông tin doanh nghiệp]

VRE, PHR

## [Quan điểm đầu tư]

Nhà đầu tư được khuyến nghị nâng dần tỷ trọng cho các vị thế ngắn hạn tại vùng hỗ trợ những căn khổng chế tỷ trọng ở mức vừa phải, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro

10/05/2022

|                          | Chỉ số   | Thay đổi<br>(%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex                  | 1,293.56 | +1.89               |
| VN30                     | 1,345.46 | +2.39               |
| HĐTL VN30F1M             | 1,335.00 | +2.06               |
| HNXIndex                 | 330.02   | +2.05               |
| HNX30                    | 567.87   | +3.16               |
| UPCoM                    | 99.06    | +2.65               |
| USD/VND                  | 22,947   | -0.02               |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 3.10     | -0                  |
| Lãi suất qua đêm (%)     | 1.66     | +20                 |
| Dầu (WTI, \$)            | 103.64   | +0.53               |
| Vàng (LME, \$)           | 1,863.07 | +0.48               |



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,293.56 (+1.89%)  
**KLGD (triệu CP)** 665.5 (+11.9%)  
**GTGD (triệu US\$)** 775.2 (-5.2%)

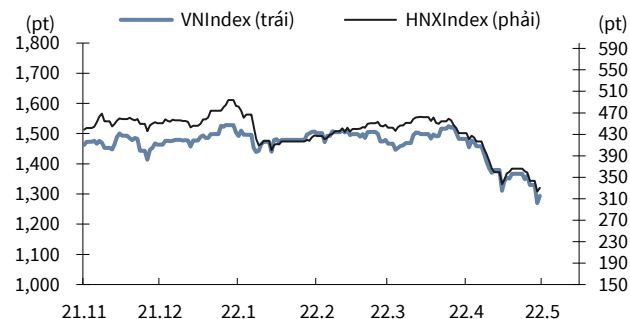
**HNXIndex** 330.02 (+2.05%)  
**KLGD (triệu CP)** 74.5 (-24.2%)  
**GTGD (triệu US\$)** 62.7 (-23.7%)

**UPCoM** 99.06 (+2.65%)  
**KLGD (triệu CP)** 40.3 (-23.4%)  
**GTGD (triệu US\$)** 24.3 (-31.5%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +31.3

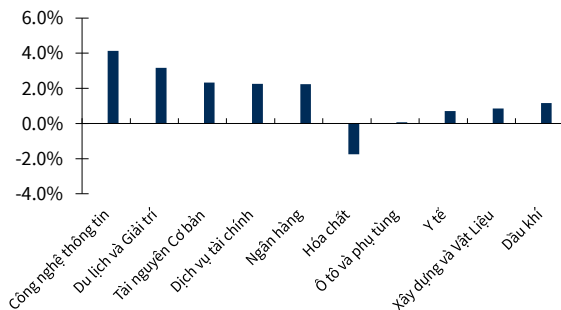
TTCK Việt Nam tăng điểm nhờ lực cầu bắt đáy sau khi thị trường giảm mạnh. Cổ phiếu nhóm thép tăng điểm HPG (+2.9%), HSG (+1.7%) sau khi Bộ Công Thương đề xuất có chính sách đặc thù để giúp phát triển hơn nữa ngành thép cho thấy đây là ngành được khuyến khích đầu tư phát triển. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu thủy sản tháng 4 đạt 1.13 triệu USD, tăng 10.8% so với cùng kỳ tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm thủy sản ở FMC (+4.4%), VHC (+3.8%). Thông tin từ Cục Hàng Hải Việt Nam, tổng khối lượng hàng hóa qua cảng biển 4 tháng đầu năm 2022 ước tính đạt hơn 236 triệu tấn, tăng 3% so với cùng kỳ, trong đó lượng hàng hóa nội địa thông qua tăng mạnh nhất với gần 99 triệu tấn, tăng 10% YoY giúp cổ phiếu cảng biển, vận tải tăng giá ở HAH (+4.4%), GMD (+2.8%). Khối ngoại mua ròng ở DGC (-1.4%), STB (+0.6%), HPG (+2.9%).

VNIndex & HNXIndex



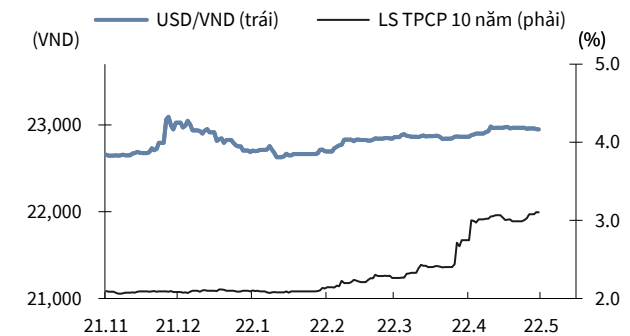
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

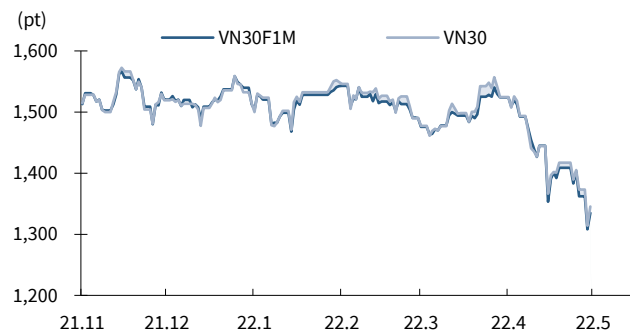
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

|                  |                          |
|------------------|--------------------------|
| <b>VN30</b>      | <b>1,345.46 (+2.39%)</b> |
| <b>VN30F1M</b>   | <b>1,335.0 (+2.06%)</b>  |
| <b>Mở cửa</b>    | <b>1,299.8</b>           |
| <b>Cao nhất</b>  | <b>1,340.9</b>           |
| <b>Thấp nhất</b> | <b>1,291.1</b>           |

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30. Chênh lệch giữa VN30 và F2205 mở cửa ở mức sâu nhất ngày đạt -21.04 điểm, sau đó hồi phục và biến động trong mức dương trước khi giảm mạnh vào cuối phiên và đóng cửa tại mức -10.46 điểm. Khối ngoại mua ròng với thanh khoản thị trường tăng.

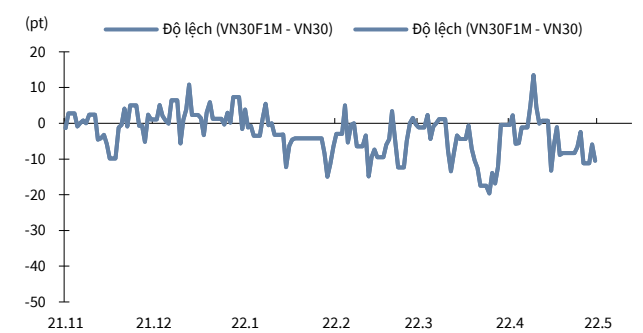
**KLGD (HĐ)**      **363,395 (+10.0%)**

**HĐTL VN30F1M & VN30**



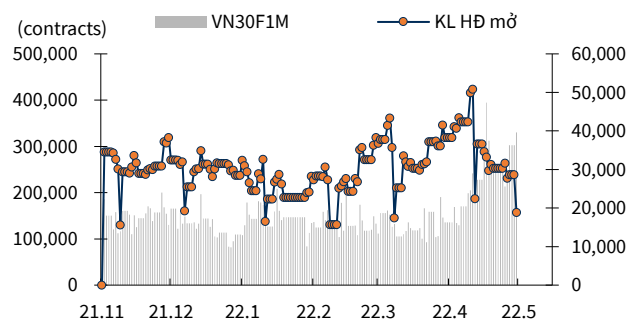
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30**



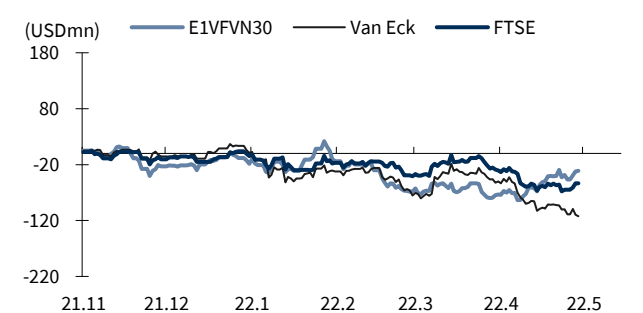
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

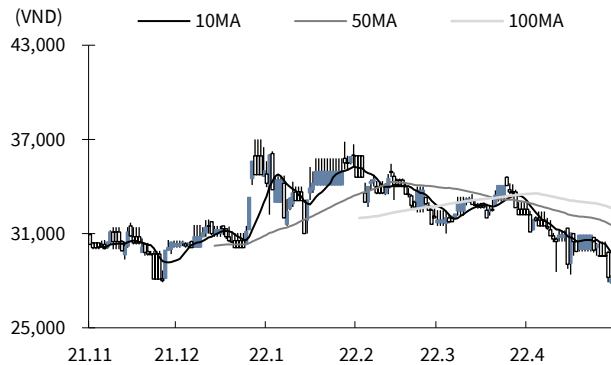
**Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Vincom Retail (VRE)

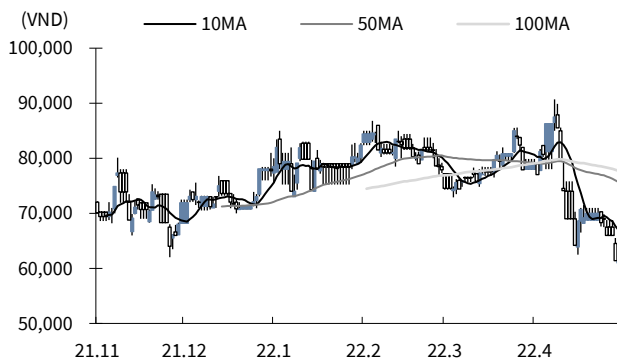


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VRE giảm 0.35% xuống 28,100 VND/cp

- Vincom Retail đặt kế hoạch kinh doanh năm 2022 với lợi nhuận sau thuế 2,400 tỷ đồng (+82.5% YoY) và doanh thu 8,000 tỷ đồng, tăng 35.8% so với thực hiện năm 2021. Năm 2022, Vincom Retail sẽ khai trương 3 trung tâm thương mại mới với tổng diện tích 95,000m<sup>2</sup>, nâng tổng diện tích mặt sàn bán lẻ trên toàn hệ thống lên gần 1.8 triệu m<sup>2</sup>, bao gồm Vincom Mega Mall Smart City và 2 Vincom Plaza.

## Cao su Phước Hòa (PHR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

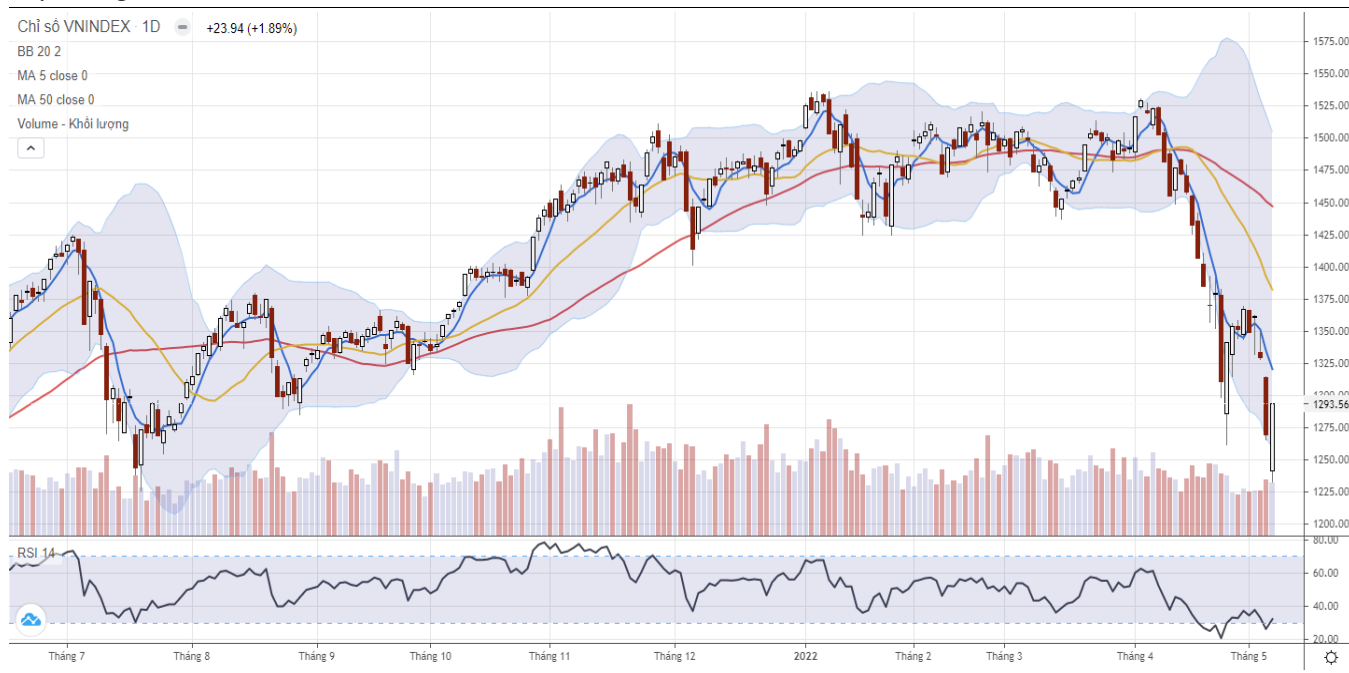
- PHR tăng 3.09% lên 63,300 VND/cp

- Cao su Phước Hòa thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư quý II với sản lượng tiêu thụ cao su đạt 6,743 tấn mủ quy khô, thực hiện 19.21% kế hoạch năm, giá bán bình quân 41 triệu đồng/tấn. Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ 220 tỷ đồng, gấp 4.8 lần cùng kỳ tương ứng thực hiện 24.5% kế hoạch năm và doanh thu 486.5 tỷ đồng (+39% YoY), thực hiện 21,6% kế hoạch năm.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

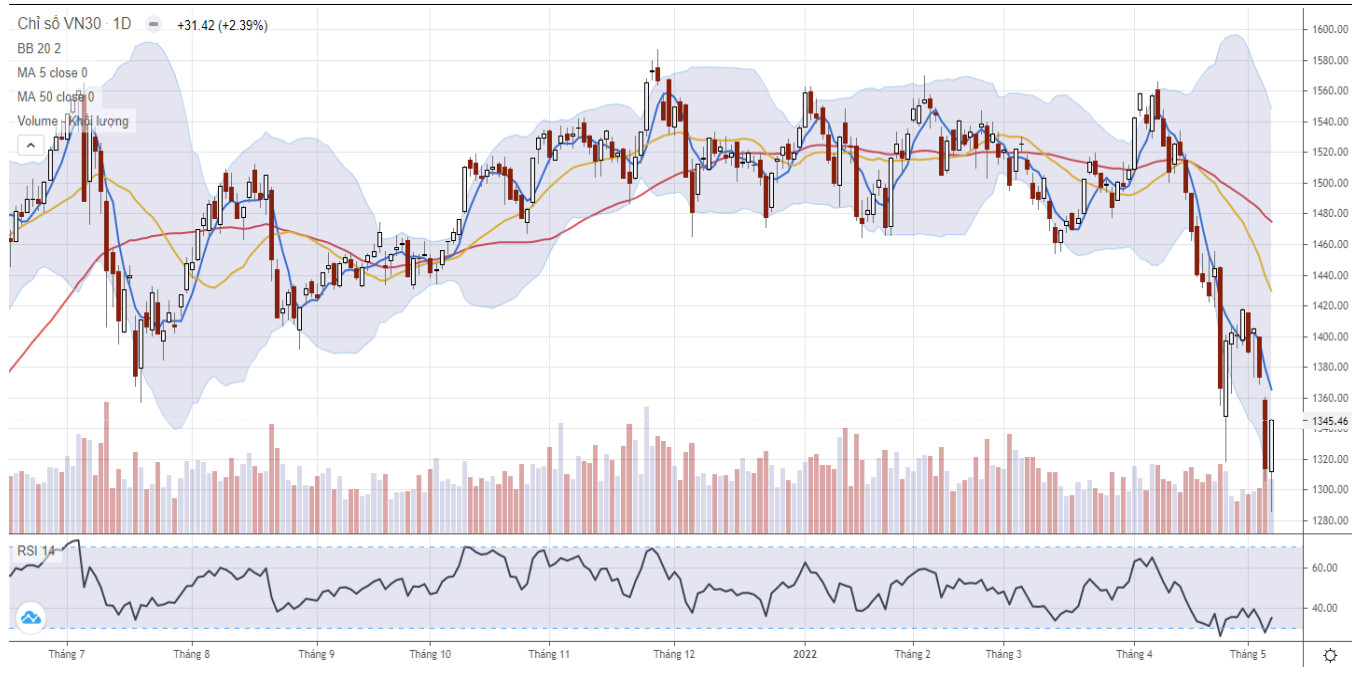
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua nhịp điều chỉnh giằng co đầu phiên trước khi hồi phục và mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Với việc lấy lại trạng thái cân bằng sau nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ sâu, chỉ số đang có cơ hội bước vào nhịp hồi phục với vùng cản kế tiếp tại quanh 1340. Mặc dù vậy, rủi ro tiếp tục mở rộng nhịp điều chỉnh vẫn hiện hữu và VNIndex có thể kiểm định lại vùng hỗ trợ gần 126x trong những phiên tới. Đây cũng là chốt chặn phải được bảo lưu nếu không khả năng tiếp tục phá đáy ngắn hạn cần được tính đến.
- Nhà đầu tư được khuyến nghị nâng dần tỷ trọng cho các vị thế ngắn hạn tại vùng hỗ trợ những cần khống chế tỷ trọng ở mức vừa phải, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1376 - 1380

Kháng cự gần: 1355 - 1360

Hỗ trợ gần: 1314 - 1318

Hỗ trợ xa: 1278 - 1282

- F1 trải qua nhịp điều chỉnh giằng co đầu phiên trước khi hồi phục và mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Với việc lấy lại trạng thái cân bằng sau nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ sâu, chỉ số đang có cơ hội bước vào nhịp hồi phục với vùng cản kế tiếp tại quanh 1380. Mặc dù vậy, rủi ro tiếp tục mở rộng nhịp điều chỉnh vẫn hiện hữu và F1 có thể kiểm định lại vùng hỗ trợ gần 131x trong những phiên tới. Đây cũng là chốt chặn phải được bảo lưu nếu không khả năng tiếp tục phá đáy ngắn hạn cần được tính đến.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế Long tại các ngưỡng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ sâu nhưng đặt ngưỡng dừng lỗ chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

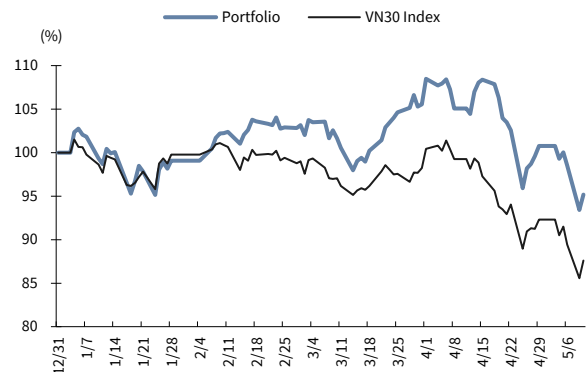
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

|                   | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên  | 2.39%      | 1.88%            |
| Tăng lũy kế (YTD) | -12.39%    | -4.83%           |

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP                           | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 10/05/2022 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư                                                                                                                                                                                                |
|---------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mobile World (MWG)              | 09/08/2019       | 140,100                 | 2.7%                      | 76.5%                | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD<br>- BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối<br>- Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm      |
| Dam Phu My (DPM)                | 04/03/2022       | 55,200                  | -6.9%                     | -1.7%                | - Giá phân bốn tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi<br>- Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp                                    |
| Phu Nuan Jewelry (PNJ)          | 22/03/2019       | 103,000                 | 3.9%                      | 29.3%                | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao<br>- PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay<br>- Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"  |
| Nam Tan Uyen (NTC)              | 11/11/2021       | 189,000                 | 1.1%                      | -2.6%                | - Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022<br>- Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp<br>- Cấu trúc tài chính lành mạnh                                             |
| Refrig Elec Eng (REE)           | 11/10/2018       | 86,600                  | 6.9%                      | 138.2%               | - Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE<br>- Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn                                                                        |
| FPT Corp (FPT)                  | 06/09/2018       | 98,400                  | 4.7%                      | 222.9%               | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh<br>- Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15%<br>- Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020                |
| Vietin Bank (CTG)               | 31/01/2020       | 25,200                  | 0.2%                      | 33.0%                | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019<br>- Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020<br>- Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh                                               |
| PV Gas (GAS)                    | 11/12/2020       | 108,000                 | 3.0%                      | 42.9%                | - Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện<br>- Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu<br>- Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh |
| Hoa Phat Group (HPG)            | 04/12/2019       | 41,100                  | 2.9%                      | 176.0%               | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại<br>- Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục<br>- Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.                          |
| Kinhbanc City Development (KBC) | 09/03/2020       | 40,150                  | 0.4%                      | 192.0%               | - Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng<br>- Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA<br>- Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc                        |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã  | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| DGC | -1.4%        | 14.4%                 | 105.9             |
| STB | 0.6%         | 20.9%                 | 69.9              |
| HPG | 2.9%         | 21.6%                 | 62.2              |
| NLG | 6.0%         | 35.3%                 | 59.3              |
| BCM | 6.9%         | 2.7%                  | 56.5              |

| Mã       | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|----------|--------------|-----------------------|-------------------|
| E1VFN30  | 4.6%         | 94.4%                 | -140.7            |
| VRE      | -0.4%        | 30.8%                 | -79.4             |
| VNM      | 0.9%         | 54.3%                 | -85.3             |
| FUEVFN30 | 1.2%         | 97.4%                 | -155.2            |
| DGW      | 1.0%         | 26.3%                 | -41.6             |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã  | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| PVS | 10.0%        | 8.7%                  | 10.5              |
| PVI | 3.1%         | 58.1%                 | 1.0               |
| IDV | 1.5%         | 19.6%                 | 0.3               |
| MBG | 2.2%         | 1.0%                  | 0.3               |
| TNG | 5.8%         | 1.7%                  | 0.3               |

| Mã  | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VCS | 0.9%         | 3.3%                  | -7.1              |
| THD | 3.1%         | 1.5%                  | -5.9              |
| SHS | 6.7%         | 8.1%                  | -3.4              |
| CLH | 0.3%         | 2.7%                  | -0.5              |
| TMB | 2.9%         | 0.4%                  | -0.3              |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Bất động sản                    | -0.8%        | VHM, VIC     |
| Thực phẩm và đồ uống            | -1.3%        | MSN, SAB     |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt   | -2.3%        | TMP, CHP     |
| Y tế                            | -2.9%        | TRA, APC     |
| Tài nguyên Cơ bản               | -3.9%        | TNT, VIS     |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Dầu khí                         | -11.5%       | PLX, PVD     |
| Dịch vụ tài chính               | -11.5%       | VND, SSI     |
| Hóa chất                        | -11.4%       | GVR, DGC     |
| Xây dựng và Vật Liệu            | -10.5%       | VGC, VCG     |
| Bán lẻ                          | -8.8%        | MWG, FRT     |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Bảo hiểm                        | 0.0%         | MIG, BVH     |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt   | -4.2%        | VSH, TMP     |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp      | -6.3%        | REE, HAH     |
| Y tế                            | -6.8%        | DBD, TRA     |
| Thực phẩm và đồ uống            | -6.9%        | ANV, SAB     |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Dịch vụ tài chính               | -26.2%       | SSI, VND     |
| Xây dựng và Vật Liệu            | -22.8%       | VCG, VGC     |
| Dầu khí                         | -21.7%       | PLX, PVD     |
| Hóa chất                        | -19.7%       | GVR, DCM     |
| Ô tô và phụ tùng                | -18.7%       | TCH, HHS     |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành                    | Mã  | Tên công ty      | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn) | GTGD (VNDtỷ, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) |      | EPS CAGR (%) | ROE (%) |      | P/B (X) |     | Biến động (%) |      |      |       |
|--------------------------|-----|------------------|---------|-----------------------------------|---------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
|                          |     |                  |         |                                   |                     |                      | 20E     | 21E  |              | 20E     | 21E  | 20E     | 21E | 1D            | 1W   | 1M   | YTD   |
| Bất Động Sản             | VIC | VINGROUP JSC     | 97,778  | 372,067 (16,170)                  | 177,276 (7.7)       | 22.5                 | 73.8    | 39.5 | 14.7         | 4.4     | 7.3  | 3.0     | 2.8 | 1.6           | 0.5  | -1.6 | -15.5 |
|                          | VHM | VINHOMES JSC     | 79,385  | 339,478 (14,753)                  | 349,975 (15.3)      | 26.6                 | 8.9     | 7.3  | 35.9         | 23.7    | 22.9 | 1.9     | 1.6 | 2.8           | 7.5  | -6.9 | -14.8 |
|                          | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,850  | 79,190 (3,442)                    | 127,727 (5.6)       | 17.8                 | 26.3    | 17.4 | -7.6         | 8.2     | 11.1 | 2.0     | 1.9 | -0.4          | -9.1 | 12.7 | -6.6  |
|                          | NVL | NO VA LAND INVES | 45,853  | 86,712 (3,768)                    | 298,537 (13.0)      | 31.3                 | 26.6    | 17.8 | 6.7          | 15.6    | 18.8 | 3.7     | 3.0 | 0.6           | -3.7 | -7.5 | -13.2 |
|                          | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 31,182  | 19,167 (833)                      | 55,756 (2.4)        | 11.6                 | 20.0    | 16.1 | 13.7         | 13.7    | 14.4 | 2.3     | 2.0 | 1.2           | -9.4 | 14.7 | -14.9 |
|                          | DXG | DAT XANH GROUP   | 21,130  | 12,594 (547)                      | 341,283 (14.9)      | 13.9                 | 12.6    | 6.5  | -            | 15.0    | 12.4 | 1.5     | 1.7 | 0.3           | -    | -    | -13.1 |
| Ngân hàng                | VCB | BANK FOR FOREIGN | 79,937  | 378,305 (16,441)                  | 104,331 (4.5)       | 6.3                  | 14.6    | 11.6 | 11.7         | 20.9    | 21.7 | 2.8     | 2.2 | 2.7           | -1.1 | -3.6 | 1.5   |
|                          | BID | BANK FOR INVESTM | 34,507  | 174,556 (7,586)                   | 76,724 (3.3)        | 12.7                 | 13.1    | 9.6  | -5.3         | 17.4    | 20.1 | 1.9     | 1.5 | 3.9           | -3.9 | 14.6 | -3.5  |
|                          | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 38,900  | 136,341 (5,925)                   | 384,710 (16.8)      | 0.0                  | 6.3     | 5.2  | 14.3         | 21.0    | 20.6 | 1.2     | 1.0 | 0.3           | 12.0 | 20.8 | -22.6 |
|                          | CTG | VIETNAM JS COMM  | 28,512  | 137,021 (5,955)                   | 137,173 (6.0)       | 1.4                  | 6.2     | 5.2  | 50.3         | 20.1    | 20.9 | 1.1     | 0.9 | 0.2           | -9.2 | 21.4 | -25.7 |
|                          | VPB | VIETNAM PROSPERI | 22,944  | 101,381 (4,406)                   | 741,444 (32.3)      | 0.0                  | 9.6     | 8.0  | 18.8         | 16.7    | 17.1 | 1.5     | 1.3 | 4.7           | -9.3 | 14.2 | -7.0  |
|                          | MBB | MILITARY COMMERC | 19,407  | 73,327 (3,187)                    | 350,134 (15.3)      | 0.0                  | 6.7     | 5.4  | 14.6         | 24.1    | 23.4 | 1.4     | 1.1 | 3.2           | -9.2 | 18.5 | -6.4  |
|                          | HDB | HDBANK           | 20,400  | 40,641 (1,766)                    | 85,111 (3.7)        | 4.2                  | 6.7     | 5.5  | 23.3         | 22.4    | 21.9 | 1.3     | 1.1 | 4.6           | -4.9 | 14.9 | -22.0 |
|                          | STB | SACOMBANK        | 18,600  | 33,548 (1,458)                    | 330,099 (14.4)      | 14.0                 | 10.4    | 6.1  | 26.5         | 13.9    | 17.8 | 1.2     | 1.0 | 0.6           | 13.7 | 22.9 | -24.1 |
|                          | TPB | TIEN PHONG COMME | 20,630  | 28,732 (1,249)                    | 122,848 (5.4)       | 0.0                  | 7.8     | 6.3  | 37.4         | 23.0    | 22.6 | 1.6     | 1.3 | 5.4           | -0.9 | 17.2 | -18.9 |
|                          | EIB | VIETNAM EXPORT-I | 18,500  | 22,745 (988)                      | 6,491 (0.3)         | 0.2                  | -       | -    | 27.3         | -       | -    | -       | -   | 0.0           | -2.0 | 16.2 | -12.8 |
| Bảo hiểm                 | BVH | BAO VIET HOLDING | 61,900  | 45,950 (1,997)                    | 149,272 (6.5)       | 21.0                 | 20.1    | 17.3 | 15.8         | 10.2    | 11.1 | 2.0     | 1.8 | 1.0           | -3.4 | -5.5 | 7.1   |
|                          | BMI | BAOMINH INSURANC | 22,250  | 2,439 (106)                       | 23,770 (1.0)        | 14.2                 | 33.7    | 15.3 | 9.1          | 11.6    | 13.5 | 3.7     | 1.7 | 2.3           | -6.4 | 14.8 | -19.7 |
| Chứng khoán              | SSI | SSI SECURITIES C | 21,998  | 19,947 (867)                      | 358,986 (15.6)      | 55.4                 | 12.5    | 11.7 | -3.2         | 15.2    | 15.2 | -       | -   | 3.9           | 16.8 | 35.1 | -46.1 |
|                          | VCI | VIET CAPITAL SEC | 27,500  | 9,108 (396)                       | 108,356 (4.7)       | 71.9                 | -       | -    | -4.0         | -       | -    | -       | -   | 1.7           | 16.3 | 37.1 | -51.6 |
|                          | HCM | HO CHI MINH CITY | 22,265  | 8,907 (387)                       | 101,797 (4.4)       | 52.4                 | -       | -    | -19.0        | -       | -    | -       | -   | 5.1           | 14.1 | 33.9 | -49.9 |
|                          | VND | VNDIRECT SECURIT | 6,983   | 5,734 (249)                       | 413,261 (18.0)      | 27.2                 | -       | -    | 36.3         | -       | -    | -       | -   | 1.6           | 17.6 | 27.2 | -23.2 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 109,000 | 227,805 (9,900)                   | 170,583 (7.4)       | 42.1                 | 15.4    | 14.1 | 4.0          | 29.5    | 31.9 | 4.3     | 4.1 | 0.9           | -4.9 | -8.7 | -18.3 |
|                          | SAB | SAIGON BEER ALCO | 192,500 | 123,447 (5,365)                   | 40,326 (1.8)        | 36.9                 | 24.7    | 20.4 | 7.3          | 19.3    | 21.5 | 4.5     | 4.0 | 3.0           | 1.7  | 0.4  | 9.2   |
|                          | MSN | MASAN GROUP CORP | 79,250  | 111,712 (4,855)                   | 134,543 (5.9)       | 16.5                 | 32.0    | 22.6 | -51.9        | 14.5    | 19.7 | 4.5     | 3.8 | 1.0           | 0.1  | -6.2 | -18.5 |
|                          | HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,450  | 13,801 (600)                      | 65,595 (2.9)        | 48.8                 | -       | -    | -            | -       | -    | -       | -   | 1.2           | 10.9 | 31.8 | -46.5 |
| Công nghiệp (vận tải)    | VJC | VIETJET AVIATION | 131,800 | 69,042 (3,001)                    | 86,426 (3.8)        | 11.0                 | -       | -    | -88.5        | -       | -    | -       | -   | 4.1           | -0.6 | -6.7 | 0.6   |
|                          | GMD | GEMADEPT CORP    | 33,100  | 9,976 (434)                       | 151,883 (6.6)       | 10.8                 | 22.2    | 19.5 | -57.0        | 12.2    | 13.7 | 2.5     | 2.4 | 2.8           | 1.1  | 0.4  | 16.3  |
|                          | CII | HO CHI MINH CITY | 22,600  | 5,398 (235)                       | 147,228 (6.4)       | 38.4                 | 6.7     | 8.8  | 65.7         | 14.1    | 9.3  | 0.9     | 0.9 | 0.0           | 18.6 | 37.3 | -58.6 |
| Công nghiệp (Tư bản)     | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,670   | 2,083 (091)                       | 63,176 (2.8)        | 46.4                 | -       | -    | -92.4        | -       | -    | -       | -   | 6.6           | -9.0 | 14.7 | -64.5 |
|                          | GEX | GELEX GROUP JSC  | 15,802  | 10,411 (452)                      | 447,605 (19.5)      | 37.7                 | -       | -    | -14.4        | -       | -    | -       | -   | -2.8          | 14.9 | 29.5 | -41.0 |
|                          | CTD | COTECCONS CONSTR | 73,200  | 5,438 (236)                       | 68,808 (3.0)        | 3.6                  | 10.3    | 7.7  | -52.4        | 4.2     | 5.4  | 0.4     | 0.4 | -2.0          | 12.1 | 43.3 | -55.4 |
|                          | REE | REE              | 59,600  | 18,419 (800)                      | 79,998 (3.5)        | 0.0                  | 13.6    | 11.3 | -4.5         | 13.8    | 14.4 | 1.8     | 1.6 | 6.9           | 5.1  | 5.9  | 25.3  |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành                          | Mã  | Tên công ty      | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn) | GTGD (VND triệu, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) |      | EPS CAGR (%) | ROE (%) |      | P/B (X) |     | Biến động (%) |      |      |       |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|------------------------------------|-------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
|                                |     |                  |         |                                    |                         |                      | 20E     | 21E  |              | 20E     | 21E  | 20E     | 21E | 1D            | 1W   | 1M   | YTD   |
| Tiện ích                       | GAS | PETROVIETNAM GAS | 90,100  | 172,447 (7,494)                    | 82,367 (3.6)            | 46.1                 | 17.9    | 16.5 | -17.5        | 20.4    | 19.5 | 3.6     | 3.4 | 3.0           | 1.9  | -2.0 | 12.3  |
|                                | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,850  | 6,578 (286)                        | 26,422 (1.2)            | 31.4                 | 10.4    | 9.1  | -10.5        | 15.7    | 16.1 | 1.4     | 1.3 | 3.3           | -3.6 | -8.6 | -17.7 |
|                                | PPC | PHA LAI THERMAL  | 26,200  | 8,400 (365)                        | 2,649 (0.1)             | 34.1                 | 13.4    | 8.8  | -5.1         | 9.8     | 16.2 | 1.1     | 1.1 | -0.6          | -6.3 | -    | -26.0 |
| Nguyên vật liệu                | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 32,481  | 145,287 (6,314)                    | 750,868 (32.7)          | 18.0                 | 6.2     | 6.1  | 21.9         | 29.7    | 23.4 | 1.5     | 1.3 | 2.9           | -5.1 | -    | -11.4 |
|                                | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,400  | 6,809 (296)                        | 444,163 (19.4)          | 36.5                 | 5.8     | 12.0 | -0.5         | 31.6    | 15.2 | 1.6     | 1.6 | -6.9          | -    | -    | 10.4  |
|                                | DCM | PETRO CA MAU FER | 13,650  | 7,226 (314)                        | 233,807 (10.2)          | 46.5                 | 6.7     | 9.9  | -4.5         | 29.9    | 17.6 | 1.7     | 1.6 | -6.9          | -    | -    | -15.5 |
|                                | HSG | HOA SEN GROUP    | 22,636  | 11,063 (481)                       | 219,231 (9.6)           | 38.9                 | 4.0     | 4.5  | 67.9         | 24.0    | 19.9 | 0.9     | 0.8 | 1.7           | -    | -    | -34.2 |
|                                | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,864  | 3,138 (136)                        | 62,968 (2.7)            | 97.2                 | 11.9    | 10.6 | 17.2         | 7.0     | 7.6  | 0.8     | 0.8 | 1.7           | -    | -    | -39.6 |
| Năng lượng                     | PLX | VIETNAM NATIONAL | 56,100  | 68,375 (2,972)                     | 71,945 (3.1)            | 4.6                  | 15.7    | 12.5 | -51.0        | 14.1    | 15.9 | 1.6     | 1.6 | 0.2           | -    | -    | -20.8 |
|                                | PVD | PETROVIETNAM DRI | 19,500  | 9,854 (428)                        | 169,256 (7.4)           | 39.9                 | 24.0    | 11.3 | -11.9        | 3.3     | 5.9  | 0.7     | 0.6 | 6.7           | -6.4 | -    | -23.1 |
|                                | PVT | PETROVIET TRANSP | 17,900  | 5,793 (252)                        | 78,524 (3.4)            | 35.9                 | 7.0     | 6.0  | 2.2          | 16.5    | 16.4 | 1.0     | 0.8 | 4.2           | -7.9 | -    | -22.4 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 93,000  | 65,024 (2,826)                     | 356,209 (15.5)          | 0.0                  | 15.7    | 13.0 | 14.4         | 27.6    | 27.2 | 4.1     | 3.5 | 2.7           | -6.1 | -6.6 | 3.1   |
|                                | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 87,500  | 19,895 (865)                       | 126,324 (5.5)           | 0.0                  | 17.3    | 14.0 | 2.4          | 21.6    | 21.8 | 3.2     | 2.6 | 3.9           | -4.6 | -    | 7.1   |
|                                | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 40,300  | 1,261 (055)                        | 5,351 (0.2)             | 70.6                 | -       | -    | -            | -       | -    | -       | -   | 6.9           | -9.1 | -    | -33.3 |
|                                | FRT | FPT DIGITAL RETA | 28,200  | 2,227 (097)                        | 174,350 (7.6)           | 30.3                 | 15.2    | 12.6 | -75.2        | 30.5    | 28.4 | 4.3     | 3.3 | -6.8          | -    | -    | 22.8  |
|                                | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 61,900  | 8,387 (365)                        | 80,902 (3.5)            | 34.6                 | 8.5     | 9.6  | 41.2         | 35.0    | 25.3 | 2.4     | 2.1 | 3.1           | -9.6 | -    | -11.2 |
| Chăm sóc sức khỏe              | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 100,300 | 13,114 (570)                       | 2,455 (0.1)             | 45.4                 | 16.2    | 14.9 | 10.7         | 20.1    | 19.9 | 3.0     | 2.7 | 0.0           | -3.7 | -8.3 | -13.8 |
|                                | PME | PYMEPHARCO JSC   | 80,200  | 6,016 (261)                        | #N/A (#N/A)             | 11.7                 | -       | -    | 1.6          | -       | -    | -       | -   | -             | -    | -    | -     |
| IT                             | FPT | FPT CORP         | 68,000  | 61,301 (2,664)                     | 379,282 (16.5)          | 0.0                  | 17.7    | 14.2 | 15.5         | 26.9    | 28.5 | 4.3     | 3.7 | 4.7           | -6.3 | -9.3 | 5.8   |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM**

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

**Phân tích Doanh nghiệp**

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Tiêu Phan Thanh Quang**  
Chuyên viên phân tích – Dầu khí & Tiện ích  
quangtpt@kbsec.com.vn

**Nguyễn Đức Huy**  
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán  
huynd1@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

**Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư**

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Hóa chất  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Thủy sản & Dệt may  
anhhttp@kbsec.com.vn

**Bộ phận Hỗ trợ**

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

**CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)**

---

**Trụ sở chính:**  
Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

**Chi nhánh Hà Nội:**  
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

**Chi nhánh Hồ Chí Minh:**  
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

**Chi nhánh Sài Gòn:**  
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

**LIÊN HỆ**  
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656  
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276  
Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)  
Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

**Hệ thống khuyến nghị**

---

| Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu<br>(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới) |                           |                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------|
| Mua:                                                                                            | Nắm giữ:                  | Bán:               |
| +15% hoặc cao hơn                                                                               | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

| Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành<br>(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới) |                    |                    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Khả quan:                                                                                    | Trung lập:         | Kém khả quan:      |
| Vượt trội hơn thị trường                                                                     | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.